TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-5-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tống Thị H - Sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân P - Sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H, anh P (chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh P vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Tống Thị H trình bày:

Chị chung sống với anh Đỗ Xuân P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định vào ngày 19/01/2998. Vợ chồng chung sống ngay từ thời gian đầu đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P chơi bời, cờ bạc, đánh chửi vợ con. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ và anh chị cũng đã sống ly thân, sau đó vì nghĩ đến con cái và bố mẹ chị khuyên can nên chị lại quay về chung sống cùng anh P nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể cải Th được. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh P không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh P có 03 con chung là cháu Đỗ Xuân Th, sinh ngày 23/02/1999, Đỗ Xuân Đ, sinh ngày 3/6/2003 và và cháu Đỗ Xuân T, sinh ngày 01/9/2011. Cháu Th và Đ đã đến tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh Đỗ Xuân P nhưng anh P không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã về địa phương để thu thập chứng cứ được biết: Chị Tống Thị H và anh Đỗ Xuân P chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Thắng vào ngày 19/01/1998. Mâu thuẫn giữa chị H và anh P như thế nào địa phương không nắm được. Hiện nay chị H và anh P đang sống ly thân. Chị H và anh P có 03 con chung là Đỗ Xuân Th, sinh ngày 23/02/1999, Đỗ Xuân Đ, sinh ngày 3/6/2003 và và cháu Đỗ Xuân T, sinh ngày 01/9/2011. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên địa phương không cung cấp gì thêm. Theo công văn của Tòa án nhân huyện Ý Yên, UBND xã Yên Thắng đã triệu tập anh Đỗ Xuân P đến trụ sở UBND xã để làm việc với Tòa án. Tuy nhiên anh Đỗ Xuân P đã có ý kiến với lãnh đạo ủy ban xã Yên Thắng với nội dung: Anh không đồng ý ly hôn với chị H, chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết thì Tòa án giải quyết theo đơn của chị H, anh không đến để làm việc với Tòa án.

Chị H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh P theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị H xin giải quyết vắng mặt. Anh P mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị H đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tống Thị H. Áp dụng điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Đỗ Xuân T, sinh ngày 01/9/2011 cho chị Tống Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không đề nghị anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các vấn đề khác, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh P mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Cuộc hôn nhân giữa chị Tống Thị H và anh Đỗ Xuân P là hợp pháp. Qua đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Hai bên không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh P. Về phía anh P, mặc dù anh biết việc chị H xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị H nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh P vẫn vắng mặt. Chị H đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh P nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Đỗ Xuân Th, Đỗ Xuân Đ và và cháu Đỗ Xuân T. Cháu Th và Đ đã đến tuổi trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Xuân T, cháu T có đơn xin được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và cũng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đỗ Xuân T cho chị Tống Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh P không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Tống Thị H và anh Đỗ Xuân P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Xuân T, sinh ngày 01/9/2011 cho chị Tống Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tống Thị H về việc không yêu cầu anh Đỗ Xuân P cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Tống Thị H phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003907 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị Tống Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Tống Thị H và anh Đỗ Xuân P được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Y;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Văn Anh